SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 742/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 704.23***
Ngày : 26/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 20/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Lê Thanh Hùng - ấp Thanh Sơn, xã Thanh Tân – Mỏ Cày Bắc
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 20/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09 – 26/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | < 7,50 | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 1,13 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,26 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 704.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 673/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 638.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Sơn Đông.
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,59 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,59 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 1,0 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 638.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 674/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 639.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Phở Hồng Cúc phường 3
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,64 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,40 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,32 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 639.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

| TRƯỞNG KHOA | GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| | KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC |
| Phan Thập Huy | Nguyễn Trung Dũng |

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 675/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 640.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : 146C KP3, Hùng Vương, phường 7
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,67 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,29 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,30 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 640.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 676/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 641.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Nhà máy nước An Hiệp
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,59 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,42 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,97 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 641.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

| TRƯỞNG KHOA | GIÁM ĐỐC<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| Phan Thập Huy | Nguyễn Trung Dũng |

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 677/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 642.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Hộ Cẩm Vân cầu Cây Da
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,58 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,34 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,70 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 642.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 678/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 643.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: quán cà phê Cây Me – Võ Nguyên Giáp, Tp Bến Tre
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,59 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,28 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,32 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 643.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 679/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 644.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Chi nhánh cấp nước Mỏ Cày
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,60 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,20 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,98 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 644.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 680/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 645.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: tạp hoá Hồng Phúc – Chợ Xếp – Mỏ Cày Bắc
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,56 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,23 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,62 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 645.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 681/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 646.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: cà phê Ngọc Chung – Phước Mỹ Trung – Mỏ Cày Bắc
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD = 2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,54 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,24 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,33 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 646.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 682/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 647.23***
Ngày : 12/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: cơ sở sản xuất nước đóng thùng Phố Xanh – Hoà Lộc
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/09– 11/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,61 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,28 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,29 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 647.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 712/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 675.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Lương Quới
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,36 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,91 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 675.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 713/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 676.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD = 2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,34 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,63 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 676.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 714/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 677.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Bình Thành
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,14 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,41 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 677.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 709/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 672.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Chi nhánh CN Phú Tân
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,01 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,99 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 672.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

| TRƯỞNG KHOA | GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| Phan Thập Huy | SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE – TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE – Nguyễn Hữu Định |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 710/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 673.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chùa Quan Âm – Tân Thạch
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) | TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục | NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,16 | / |
| 7 | Chlor dư tự do | mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,63 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 673.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 711/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 674.23***
Ngày : 20/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Khu công nghiệp Giao Long
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD=2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,22 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,43 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 674.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 716/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 679.23***
Ngày : 21/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Chi nhánh cấp nước Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | KPH MLOD = 2,50 TCU | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,06 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,95 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 679.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 717/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 680.23***
Ngày : 21/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: quán cà phê Galaxy khu phố 2 thị trấn Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | < 7,50 | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | < 0,50 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,02 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,60 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 680.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**GIÁM ĐỐC**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**
Số: 718/KSBT-XN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

***Mã số mẫu : 681.23***
Ngày : 21/09/2023

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 12/09/2023
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Phà Tân Phú – xã Hoà Nghĩa - Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 12/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/09 – 18/09/2023

| Stt | Chỉ tiêu, đơn vị | Phương pháp thử | Tiêu chuẩn | Kết quả | ĐKĐBĐ (**) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Coliform CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 3 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 2 | *Escherichia coli* CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 (a) | < 1 | KPH LOD=1CFU/100ml | / |
| 3 | Màu sắc (TCU) TCU | SMEWW 2120C 2017 (a) | 15 | < 7,50 | / |
| 4 | Mùi, vị | Cảm quan | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | / |
| 5 | Độ đục NTU | SMEWW 2130B 2017 (a) | ≤ 2 | 0,52 | / |
| 6 | pH | TCVN 6492 - 2011 (a) | 6,0 – 8,5 | 7,08 | / |
| 7 | Chlor dư tự do mg/l | Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2) | 0,2-1,0 | 0,35 | / |

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

*Mã số mẫu: 681.23*

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

Phan Thập Huy

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Trung Dũng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.


Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834